

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2022

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông K'Bửu.

Bà Đinh Thị Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về vụ việc: “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Linh T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 01, đường T, TT. L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Dương Hồng T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 1079, quốc lộ 20, TT. L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn ngày 28/10/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, không đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, từ giữa năm 2020 đến nay không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống không quan T đến nhau, ông T không chăm lo cho con cái. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018 cho đến ngày thành niên và bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018, với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải ông T, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì.

\* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Linh T, xử cho bà Nguyễn Thị Linh T và ông Trương Dương Hồng T ly hôn. Giao con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018 cho bà Nguyễn Thị Linh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên. Buộc ông Trương Dương Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018, với mức cấp dưỡng 2.500.000đồng/tháng bắt đầu từ tháng 01/2022 cho đến khi con thành niên. Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh T và bị đơn ông Trương Dương Hồng T. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Dương Hồng T vắng mặt. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trương Dương Hồng T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T có thời gian tìm hiểu từ năm 2015 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 28/10/2015. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên xung đột. Mặc dù, đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Giữa năm 2020 vợ chồng không sống chung bà đã về nhà cha mẹ bà sống và ở riêng thuê nhà và bán thuốc tây tại đường T, TT. L, huyện Đ, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau, dù bà T đã cho ông T nhiều cơ hội để hàn gắn xây dựng gia đình nhưng ông T không thay đổi, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ giữa năm 2020 đến nay.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải ông T, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì. Bản thân ông T không thể hiện ý chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình và việc bà T khởi kiện ly hôn với ông T nhưng ông T cũng không có ý kiến gì.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông T là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018 nên ông bà đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018. Trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn Nhã U ổn định, phát triển bình thường. Xét điều kiện của bà T đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung nên tiếp tục giao bà T nuôi cháu Trương Nguyễn Nhã U là phù hợp, đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con

chung. Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, với mức cấp dưỡng 2.500.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà T là phù hợp với điều kiện thu nhập tại địa phương cũng như chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Linh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc ông Trương Dương Hồng T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Linh T, xử cho bà Nguyễn Thị Linh T với ông Trương Dương Hồng T ly hôn.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Linh T nuôi con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Buộc ông Trương Dương Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/6/2018, với mức cấp dưỡng 2.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2022.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Linh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng bà Nguyễn Thị Linh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007704 ngày 04/10/2021. Như vậy, bà Nguyễn Thị Linh T đã nộp đủ án phí ly hôn. Buộc ông Trương Dương Hồng T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,*

*tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị Linh T có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Trương Dương Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - VKS huyện Đ;
  - Chi cục THADS huyện Đ;
  - TAND tỉnh Lâm Đồng;
  - Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ
- (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vũ**